

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **99/2018/DS-PT**

Ngày: 19 – 7 – 2018

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng, bà Nguyễn Thị Hằng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà. Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do bản án dân sự dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2018/QĐPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn R (Tên thường gọi: D), sinh năm 1970.

Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Thanh V - Luật sư văn phòng luật sư Tín Nghĩa thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk – Đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L: Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1988 (Theo giấy ủy quyền ngày 28/7/2017) – Có mặt.

3. Người làm chứng:

- Bà Đồng Thị T. Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu H1. Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1979. Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Ông Lương Minh T, sinh năm 1973. Địa chỉ: 112 Thôn T, E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trịnh Thị H, ông Nguyễn Văn R trình bày:

Vào ngày 25/12/2014, ông bà cho vợ chồng ông L, bà M vay số tiền là 500.000.000^d (Năm trăm triệu đồng) để ông L, bà M đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 2.000đ/1triệu/ngày. Thời hạn trả nợ là sau khi ông L, bà M đáo hạn được tiền tại Ngân hàng thì sẽ trả nợ. Sau khi vay được tiền tại ngân hàng, ông L, bà M không trả nợ. Ông bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà M vẫn không trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông L, bà M phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 500.000.000^d và không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, bà H xác định: Bà không làm hồ sơ vay vốn ngân hàng cho bà M, ông L. Ngoài ra, Bà không làm giúp giấy xác nhận đất trồng cà phê do bị đơn giao nộp. Đồng thời bà không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đòi vợ chồng bà phải trả số tiền 308.667.000^d.

Tại đơn yêu cầu phản tố và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Vào ngày 25/12/2014, vợ chồng bà có vay của vợ chồng bà Trịnh Thị H, ông Nguyễn Văn R số tiền 500.000.000^d (Năm trăm triệu đồng), lãi suất 3000đ/1 triệu/ngày để trả nợ vào Ngân hàng N phòng giao dịch E, thời hạn trả là khi vay lại được tiền tại Ngân hàng V sẽ trả ngay. Khi vay có viết giấy vay, bà M và ông L chồng bà cùng ký tên người vay.

Khi làm hồ sơ đáo hạn tại Ngân hàng, bà H có làm dùm giấy xác nhận 03 ha

cà phê chưa được cấp bì đỏ có xác nhận của UBND xã D, bà H là người ký tên ông L trong đơn xác nhận tại ngân hàng V T.

Đến ngày 05/01/2015, sau khi nhận được số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) tại Ngân hàng V phòng giao dịch T, Tp B, vợ chồng bà giao hết số tiền 700.000.000đ cho bà H để trả cho các khoản vay: 500.000.000đ đã vay trên và trả khoản nợ gốc 140.000.000đ (vay ngày 01/01/2013), số tiền lãi của khoản vay 140.000.000đ là 128.100.000^d. Tổng cộng đã trả là 700.000.000đ, còn nợ lại bà H là 68.100.000đ (lãi nóng) và 15.000.000đ tiền lãi của số tiền 500.000.000^d.

Ngày 05/12/2016, bà H tiếp tục giúp gia đình bà làm hợp đồng vay của Ngân hàng N phòng giao dịch E số tiền 1.000.000.000^d, khi đó bà H vay dùm cho 700.000.000^d (lãi suất 4.500.000^d/3 ngày). Việc vay số tiền 700.000.000đ bà M ký giấy nợ với anh T và bà H.

Số tiền 1.000.000.000đ giữa bà và bà H thỏa thuận trừ đi số tiền vay 700.000.000đ tiền mượn đáo hạn, còn lại trả cho các khoản sau đây:

Số tiền 68.100.000^d + 140.967.000^d (lãi của khoản nợ 68.100.000^d) + 35.000.000đ (phí phạt do thanh toán trước thời hạn với Ngân hàng V) + 20.000.000^d (cho giám đốc Ngân hàng V) + 7.000.000^d làm không giấy tờ đất + 8.000.000^d tiền lãi 01 tháng của khoản vay 1.000.000.000^d tại Ngân hàng N phòng giao dịch E + 15.000.000^d tiền nợ lãi của khoản vay 500.000.000^d ngày 25/12/2014 + 4.500.000^d tiền lãi của khoản vay 700.000.000^d; và 2.000.000đ làm hộ khẩu. Tổng cộng là 300.567.000^d.

Sau khi tính toán, vợ chồng bà đã thanh toán đầy đủ cho bà H nên không còn nợ.

Nay xét thấy việc đã trả lãi cho bà H như vậy là cao so với quy định của pháp luật nên ông L, bà M phản tố yêu cầu vợ chồng bà H, ông Rệu phải trả số tiền đã trả thừa là 308.667.000đ.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, anh Trần Quốc Đ trình bày: Anh Đ đồng ý với lời trình bày của bị đơn về số tiền vay của bà Trịnh Thị H số tiền 500.000.000^d và các khoản đã trả cho bà H, ông R. Trong giấy vay tiền 500.000.000^d đã thể hiện rõ mục đích vay là đáo hạn ngân hàng lấy ra trả ngay, bà H đã làm thủ tục vay vốn như bà M trình bày ở trên, trong giấy xác nhận đất trồng cà phê có chữ viết của bà H chữ “Dray Sáp, ngày 02/12/2016” ngay phía dưới chữ xác nhận của UBND xã. Sổ hộ khẩu cũng do bà H làm cho vào ngày 05/12/2016, cùng ngày ký hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng E. Khi làm hộ khẩu, bà H còn giả mạo chữ ký của ông L trong tờ khai hộ khẩu. Mục đích làm hộ khẩu và

giấy xác nhận đất cả phê để làm hồ sơ vay tăng lên để siết nợ gia đình ông bà tại Ngân hàng. Các hành vi của bà H nói trên có dấu hiệu hình sự, đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ sang Công an huyện điều tra, làm rõ.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2017 và biên bản đối chất, người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Bà là hàng xóm của nguyên đơn và bị đơn, không có mâu thuẫn gì với họ. Bà không chứng kiến việc vợ chồng bị đơn vay tiền của vợ chồng nguyên đơn, cũng không được chứng kiến việc trả nợ như thế nào. Vào khoảng giữa năm 2017, bà gặp bà H tại quán nhà bà B, bà H có nói việc vợ chồng bà M đã trả cho bà H số tiền 500.000.000^d và có đưa ra giấy vay tiền 500.000.000^d và một tờ giấy không có nội dung có chữ ký của ông L, khi đó bà H nói bà viết nội dung vào kiện bà M bao nhiêu cũng được. Ngoài những nội dung trên thì bà không biết sự việc nào khác liên quan đến việc vay mượn giữa bà H và bà M, ông L.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2017, người làm chứng bà Đồng Thị T trình bày: Bà là hàng xóm của vợ chồng bà M, ông L và vợ chồng bà H, ông R, không có mâu thuẫn gì với họ. Bà không được chứng kiến việc vợ chồng bà M, ông L vay tiền của vợ chồng bà H cũng không được chứng kiến việc trả nợ như thế nào. Vào khoảng giữa năm 2017, bà có nghe bà H nói chuyện với bà H1 tại nhà bà B, nội dung: bà H có nói với bà H1 việc vợ chồng bà M đã trả cho bà H số tiền 500.000.000^d và đưa ra giấy vay tiền 500.000.000^d và một tờ giấy không có nội dung nhưng có chữ ký của ông L, khi đó bà H nói bà viết nội dung vào kiện bà M bao nhiêu cũng được. Bà Hồng có nói với bà H1 là giấy viết đáo hạn xong sẽ trả ngay thì làm gì còn mà đòi. Ngoài những nội dung trên thì bà không biết sự việc nào khác liên quan đến việc vay mượn giữa bà H và bà M, ông L.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 11 năm 2017, người làm chứng bà Nguyễn Thị B trình bày: Không nhớ rõ ngày nào, bà H có lên nhà bà mua phân bón thì bà hỏi bà H “thế bà M đã trả tiền chưa?” thì bà H nói chưa trả đồng nào. Còn chuyện các bà H1, bà T nói chuyện giấy tờ gì ở nhà bà thì bà không biết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 11 năm 2017, người làm chứng anh Lương Minh T trình bày: Hiện tôi đang làm công tác bảo vệ tại ngân hàng E. Việc bà M nói tôi chở bà H đi trả tiền nợ là không đúng, thực tế đang trong giờ làm việc tôi không được bỏ vị trí bảo vệ để đi ra ngoài. Việc vay mượn giữa bà H và bà M thì tôi cũng không biết và không liên quan.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H, ông Nguyễn Văn R. Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị M phải trả cho bà Trịnh Thị H, ông Nguyễn Văn R số tiền nợ gốc 500.000.000^d (Năm trăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất khi thi hành án.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị M về việc yêu cầu bà Trịnh Thị H, ông Nguyễn Văn R phải trả 308.667.000đ tiền lãi đã trả thừa. Bị đơn có quyền khởi kiện lại yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định chữ viết, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2018, bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Văn R.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích nội dung đơn kháng cáo của bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn L, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng kháng cáo của bà M và ông L là không có căn cứ để chấp nhận bởi lẽ ông bà không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc đã thanh toán nợ cho nguyên đơn. Lời khai những người làm chứng cũng xác định không biết việc vay, trả nợ giữa các bên. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy :

[1] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 500.000.000đ và cung cấp bản gốc giấy vay tiền đề ngày 25/12/2014. Bị đơn thừa nhận vào ngày 25/12/2014 có vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000đ, nội dung giấy biên nhận vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là do ông Nguyễn Văn L viết, chữ ký và chữ viết tên người vay trong giấy biên nhận đúng là chữ ký, chữ viết của bị đơn. Do đó, việc bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000đ là có thật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng, sau khi vay số tiền 500.000.000đ, đến ngày 05/01/2015, bị đơn đã vay Ngân hàng V phòng giao dịch T số tiền 700.000.000đ. Sau khi nhận được tiền từ Ngân hàng, bị đơn đã giao toàn bộ số tiền 700.000.000đ cho nguyên đơn để trả cho nguyên đơn nhiều khoản tiền, trong đó có số tiền 500.000.000đ đã vay ngày 25/12/2014. Mặt khác, trong giấy vay tiền có ghi nhận nội dung “*đáo hạn ngân hàng ra trả ngay*”. Bị đơn đã thực hiện đáo hạn ngân hàng, điều đó đồng nghĩa với việc đã trả hết nợ cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Nội dung “*đáo hạn ngân hàng ra trả ngay*” trong giấy vay tiền là lời hứa của bị đơn đối với nguyên đơn về thời điểm trả nợ, không phải là căn cứ xác định có việc đã thanh toán nợ. Việc thanh toán nợ phải được thể hiện bằng giấy biên nhận, hoặc giấy vay nợ gốc phải được hủy bỏ. Mặc dù bị đơn khai đã giao cho nguyên đơn số tiền lớn để trả nợ nhưng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Hiện tại, giấy vay tiền (bản gốc) vẫn đang do nguyên đơn quản lý, do đó không có cơ sở xác định bị đơn đã thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

Đối với lời khai của người làm chứng là Nguyễn Thị Thu H, khai rằng có nghe bà H nói với bà Đồng Thị T tại nhà bà Nguyễn Thị B là bà L đã trả hết số nợ 500.000.000đ. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà Đồng Thị T phủ nhận một số nội dung đã khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và xác nhận lại nội dung: bà H có cho bà xem giấy biên nhận vay tiền ngày 25/12/2014 chứ bà H không nói rằng bà L đã trả hết nợ. Bà Nguyễn Thị B thì khai: có nghe nguyên đơn nói bị đơn chưa trả hết nợ. Lời khai những người làm chứng mâu thuẫn nhau và không được nguyên đơn thừa nhận nên không có cơ sở xem xét.

Đối với nội dung bị đơn cho rằng trong giấy xác nhận đất trồng cà phê thì

dòng chữ “Dray Sáp, ngày 02/12/2016” ngay phía dưới chữ xác nhận của UBND xã là chữ viết của bà H. Bà H còn giả mạo chữ ký của ông L trong tờ khai hộ khẩu. Mục đích làm hộ khẩu và giấy xác nhận đất cà phê để làm hồ sơ vay tăng lên để siết nợ gia đình ông bà tại Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng do vợ chồng bị đơn thực hiện, khi giải ngân thì vợ chồng bị đơn nhận tiền, sau đó mới giao tiền cho nguyên đơn. Tòa án chỉ giải quyết quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn theo giấy biên nhận vay tiền ngày 25/12/2014. Do đó, bị đơn yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan Công an điều tra là không có cơ sở xem xét.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là không đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án nhân dân huyện Krông Ana ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02 ngày 04/01/2018, đã ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 19/01/2018. Tại phiếu báo phát ngày 10/01/2018 của bưu cục K (BL149) thể hiện, bưu gửi số hiệu EL632611654VN đã được phát cho ông/ bà Phạm Thị M, Nguyễn Văn L. Bà Phạm Thị M đã ký nhận phiếu báo phát. Sau khi cấp sơ thẩm ban hành quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 07/02/2018, ông L, bà M đã làm đơn xin hoãn phiên tòa (BL 132). Cấp sơ thẩm tiếp tục hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 19/3/2018. Tại phiếu báo phát ngày 06/3/2018 của bưu cục K (BL140) thể hiện, bưu gửi số hiệu RC635236520VN đã được phát cho ông/ bà Phạm Thị M. Bà Phạm Thị M đã ký nhận phiếu báo phát. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng bị đơn thừa nhận đã nhận được quyết định xét xử và các quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cấp sơ thẩm, do Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển hồ sơ để xử lý hình sự đối với các hành vi giả mạo của nguyên đơn nên vợ chồng bà không tham dự phiên tòa. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có yêu cầu phản tố nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

[2] Về án phí:

Ông L, bà M mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 5600 ngày 24/4/2018 và số 5601 ngày 26/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Ông, bà đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- Chi cục THS.DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương